

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW), Kế hoạch số 13-KH/TW ngày 28/11/2022 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và căn cứ tình hình thực tiễn; Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt sâu sắc, tập trung tuyên truyền thường xuyên, liên tục nội dung Nghị quyết số 29-NQ/TW, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh về tầm quan trọng của việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 29-NQ/TW đề ra.

2. Bám sát quan điểm, mục tiêu được xác định trong Nghị quyết số 29-NQ/TW và căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương để triển khai, vận dụng sáng tạo, cụ thể hóa thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp. Huy động và khai thác hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

3. Việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động này phải được coi là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh các nhiệm kỳ, các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Phân đầu đến năm 2030, Bắc Giang trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại; quy mô kinh tế (GRDP) trong nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước và đứng đầu vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Công nghiệp là động lực chủ yếu cho tăng trưởng, trở thành một trong những trung tâm phát triển công nghiệp của vùng; hình thành hệ sinh thái công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và có tính cạnh tranh cao. Nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, dựa trên nền tảng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, ổn định, an toàn, chất lượng và hiệu quả. Dịch vụ phát triển đa dạng, có bước đột phá, trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, hình thành được nhiều ngành dịch vụ mới, có giá trị gia tăng cao. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được đầu tư đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường. Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, nâng tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh cao hơn mức trung bình toàn quốc.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt khoảng 15-16%, trong đó: Công nghiệp - xây dựng tăng 17-18%/năm (công nghiệp tăng 18-19%/năm, xây dựng tăng 12-13%/năm); dịch vụ tăng 10-11%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2-3%/năm. Cơ cấu kinh tế năm 2030: Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 66-67% (công nghiệp chiếm 60%); ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 6-7%; ngành dịch vụ chiếm khoảng 24-25% và thuế sản phẩm chiếm khoảng 2-3% trong cơ cấu kinh tế. Tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP.

- GRDP bình quân/người năm 2030 đạt khoảng 9.800 USD.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế khoảng 50%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 13%/năm; năm 2030 năng suất lao động bình quân đạt 475 triệu đồng/lao động (giá hiện hành).

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống còn khoảng 18%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt trên 90%, trong đó đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt khoảng 40-45%; tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.

- Chỉ số phát triển con người HDI đạt 0,85.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 55-60%; các đô thị của tỉnh được xây dựng theo hướng thông minh, đồng bộ, hiện đại.

- Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

- Có 8/9 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới; 95% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó khoảng 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đồng bộ ở cả ba cấp hành chính; 70% khu công nghiệp có trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ công nhân.

- Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý đạt trên 95% (trong đó, khu vực thành thị đạt 100%; khu vực nông thôn đạt trên 90%); 100% các khu, cụm công nghiệp, đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Bắc Giang là tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ phát triển hiện đại, toàn diện, bền vững. Phát triển công nghiệp xanh, tổ chức sản xuất với các khu, cụm công nghiệp tập trung, chuyên nghiệp. Dịch vụ phát triển đa dạng, hiện đại, tiện ích, tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế. Nông nghiệp sạch, chất lượng, hiệu quả, đảm bảo đáp ứng tốt cho nhu cầu của người dân và xuất khẩu. Tổ chức không gian phát triển khoa học; hệ thống đô thị hiện đại, thông minh; khu vực nông thôn phát triển hài hòa; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác tuyên truyền; đổi mới tư duy, nhận thức đầy đủ và sâu sắc về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn mới

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, làm tốt công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn hiện nay; cụ thể hóa các quan điểm, gắn kết các mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với xây dựng và thực hiện luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch tỉnh. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và năng lực dự báo của các cấp, các ngành, địa phương trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện phân công, phân cấp triệt để trong quản lý nhà nước trên mọi lĩnh vực, bảo đảm nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện.

Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới

sáng tạo, nhất là ứng dụng thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường; chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp theo hướng ưu tiên các ngành có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; cơ cấu lại nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hoá các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Giai đoạn 2031 - 2045, nâng cao chất lượng công nghiệp hóa và đẩy mạnh hiện đại hóa toàn diện tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế và đời sống xã hội.

2. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Rà soát, hoàn thiện, xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh để cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn nhằm huy động hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển; phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa các ngành, lĩnh vực, tạo giá trị gia tăng lớn, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi hoặc ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút các nguồn lực cho phát triển, nhất là cơ chế, chính sách thu hút nhà đầu tư lớn, phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu cơ chế, chính sách phù hợp để tạo đột phá cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và tạo điều kiện thuận lợi triển khai công tác giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư phục vụ cho các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng và các dự án trọng điểm của tỉnh. Rà soát, hoàn thiện các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp, các nhà đầu tư thứ cấp với các quy định rõ ràng, chi tiết, bảo đảm tính công khai, minh bạch, để lựa chọn, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các dự án lớn, dự án công nghệ cao, tạo giá trị gia tăng lớn, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

Phối hợp chặt chẽ với các tỉnh, thành phố lân cận và trong khu vực đề xuất Trung ương ban hành các cơ chế, chính sách có tác động liên vùng; xây dựng và triển khai hiệu quả, thực chất các dự án, chương trình hợp tác song phương và đa phương, nhất là trong công tác triển khai Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch vùng, Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo liên kết vùng đồng bộ, hợp lý, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giao thông vận tải để hình thành chuỗi liên kết khu vực động lực của vùng.

3. Phát triển công nghiệp với trọng tâm là công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, đẩy mạnh thu hút các dự án công nghệ hiện đại, hiệu quả cao, xây dựng hệ sinh thái công nghiệp, tạo động lực tăng trưởng nhanh, bền vững

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 147-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030; duy trì tốc độ tăng trưởng cao, theo hướng bền vững. Tiếp tục cơ cấu lại ngành công nghiệp gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển mạnh sản xuất công nghiệp theo chiều sâu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, tập trung vào các ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực, có lợi thế, tiềm năng như: Sản xuất các sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; thiết bị điện (*pin năng lượng mặt trời*); cơ khí; chế biến nông sản, thực phẩm; sản xuất may trang phục; sản phẩm từ cao su và plastic (*chủ yếu là bao bì*).

Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đảm bảo đồng bộ, hiện đại theo Quy hoạch tỉnh được phê duyệt, đảm bảo đủ quỹ đất để thu hút đầu tư. Phát triển công nghiệp hướng tới mô hình “Hệ sinh thái công nghiệp”, gắn kết khu công nghiệp với khu đô thị, dịch vụ, chú trọng yếu tố phát triển xanh, bền vững. Đẩy mạnh phát triển các khu, cụm công nghiệp dọc các tuyến giao thông liên tỉnh quan trọng như trục Quốc lộ 1A và đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn, đường Vành đai IV, Vành đai V, QL.37..., tạo kết nối liên vùng, xây dựng cụm liên kết sản xuất điện, điện tử, cơ khí chế tạo, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; triển khai hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, hình thành chuỗi cung ứng.

Nâng cao chất lượng thu hút đầu tư; chấp thuận có chọn lọc các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp theo phương châm lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu, chuyển dần từ gia công, lắp ráp sang sản xuất sản phẩm với giá trị gia tăng cao để thúc đẩy chuyển dịch mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu. Ưu tiên thu hút các doanh nghiệp lớn, tập đoàn đa quốc gia có tính chất dẫn dắt, kết nối, tập trung vào lĩnh vực công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin, chế biến, chế tạo công nghệ cao, sản xuất thông minh, công nghiệp xanh thân thiện với môi trường. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ. Quan tâm phát triển các dịch vụ hậu cần tại các khu, cụm công nghiệp như logistics, ngân hàng, hải quan... tạo lợi thế cạnh tranh của tỉnh trong thu hút đầu tư.

4. Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo

Tập trung triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 07/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là hạ tầng thủy lợi, giao thông vận tải, hạ tầng thương mại, kho bãi, bảo quản, chế biến nông sản. Khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hoá chất và công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản. Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng tổ chức các vùng sản xuất hàng hoá, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, thúc đẩy cơ giới hoá, hiện đại hoá trong toàn bộ chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp bảo đảm thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực (*lúa chất lượng, vải thiều, rau chế biến, lợn, gà, gỗ, cá...*), sản phẩm tiềm năng, sản phẩm OCOP. Đẩy mạnh các hình thức tích tụ, tập trung đất đai; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp gắn với các mô hình du lịch trải nghiệm, mở rộng diện tích sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP,...; khuyến khích, hỗ trợ tổ chức sản xuất theo mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác. Duy trì, nâng cao chất lượng, xây dựng và phát triển các thương hiệu nông sản của tỉnh; phát triển, mở rộng quy mô và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Thu hút, phát triển các doanh nghiệp bảo quản, chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị và tính cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên bố trí nguồn lực và có cơ chế, chính sách đặc thù để xã hội hoá, thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh, hiện đại. Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa, vì lợi ích của người dân. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; kết nối với đô thị, từng bước tiệm cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị.

Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích của Trung ương để phát triển dịch vụ đa dạng, hiện đại, bền vững; phát triển cả dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội và dịch vụ công. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế để nâng cấp, xây dựng kết cấu hạ tầng, trang bị phương tiện kỹ thuật theo hướng đồng bộ, hiện đại nhằm tạo thuận lợi cho phát triển dịch vụ. Tăng cường thu hút, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ như: Thương mại, du lịch, giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông, kho bãi, logistics,... Trong đó tập trung phát triển đột phá một số dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, ngành dịch vụ có sức cạnh tranh cao, đưa Bắc Giang trở thành cửa ngõ, trung tâm trung chuyển hàng hóa, vận tải, kho bãi, logistics tại khu vực cửa ngõ phía Đông Bắc Hà Nội theo Quy hoạch xây dựng vùng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ thương mại rộng khắp, bảo đảm tính đồng bộ, kết hợp các loại hình thương mại truyền thống và thương mại hiện đại, đáp ứng nhu cầu mua sắm của Nhân dân, trở thành ngành dịch vụ chủ lực. Chú trọng cung ứng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, nhất là các dịch vụ thiết yếu như vận tải, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng... theo hướng hiện đại, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các doanh nghiệp và người dân.

Quy hoạch phát triển du lịch theo hướng xanh, bền vững; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch gắn với các giá trị lịch sử, văn hóa, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ, thúc đẩy nhiều ngành, lĩnh vực khác phát triển, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Xây dựng Bắc Giang trở thành điểm nhấn trên tuyến du lịch Hà Nội - Lạng Sơn; Thái Nguyên - Quảng Ninh; xây dựng được thương hiệu Bắc Giang là điểm đến du lịch văn hóa - tâm linh, sinh thái hấp dẫn.

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Huy động nguồn lực, tiếp tục hoàn thiện và bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn và chuyển giao công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ chế biến nông, lâm sản...; tăng cường nguồn kinh phí sự nghiệp cho khoa học và công nghệ, ưu tiên nguồn vốn thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ nông nghiệp, nông thôn, các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, đặc sản của các địa phương; khuyến khích các doanh nghiệp thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ, đầu tư nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị, liên kết vùng, khu vực, các cụm liên kết ngành với vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp lớn. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 09/6/2021 của Tỉnh ủy về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới. Định hướng phát triển giáo dục - đào tạo phù hợp với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các trường phổ thông. Đầu tư xây dựng và mở rộng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, thay đổi cơ cấu đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động (trong đó chú trọng đào tạo các ngành nghề: Điện, điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí, tự động hóa,...). Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa hình thức đào tạo, linh hoạt và thiết thực. Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ lao động nông thôn; tăng số lượng lao động kỹ thuật có tay nghề; phát triển nhân lực nghiên cứu, chuyên gia trong nông nghiệp.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; trọng tâm là rà soát, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung, quy hoạch vùng cấp huyện, quy hoạch cấp xã, các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xác định phát triển hạ tầng giao thông là ưu tiên hàng đầu; từng bước hoàn chỉnh mạng lưới vận tải đa dạng, đa phương thức, giúp hàng hóa được lưu thông thuận lợi, giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tạo tiền đề và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường phối hợp với các tỉnh, thành phố lân cận tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư các trục giao thông kết nối liên tỉnh, liên vùng; đẩy mạnh phát triển giao thông đường thủy, đường sắt để giảm áp lực cho đường bộ và giảm chi phí vận tải; phối hợp nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng (đoạn qua địa bàn tỉnh), phát huy hiệu quả hoạt động liên vận quốc tế tại Ga Kép để thúc đẩy vận tải đường sắt, phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, góp phần giảm áp lực thông quan tại Cửa khẩu Ga liên vận quốc tế Đồng Đăng; tăng cường thu hút đầu tư phát triển các cảng cạn (ICD), trung tâm logistics, cảng thủy nội địa,...

Thúc đẩy và bảo đảm tiến độ đầu tư, xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện trọng điểm. Tập trung tháo gỡ khó khăn, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng để các dự án điện đi vào vận hành đúng tiến độ, đảm bảo đủ nguồn điện đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt.

Phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số, triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trên nền tảng 5G trên địa bàn tỉnh, tập trung vào các lĩnh vực: Bưu chính điện tử, dữ liệu lớn, Internet băng thông rộng, camera thông minh,... Phát huy hiệu quả của chính quyền đô thị, chính quyền điện tử trong việc phục vụ, đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Xây dựng, triển khai thực hiện các mô hình đô thị thông minh, y tế thông minh, giao thông thông minh, du lịch thông minh.

Xây dựng và phát triển hệ thống đô thị hiện đại, văn minh, bền vững; triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 05/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý quy hoạch và phát triển đô thị. Khuyến khích phát triển mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, nhất là tại các đô thị, vùng đô thị có mật độ dân số cao. Xây dựng thành phố Bắc Giang theo hướng thông minh, đạt đô thị loại I, là trung tâm chính trị, dịch vụ của tỉnh. Huyện Việt Yên, Hiệp Hòa, Lạng Giang trở thành thị xã; thị trấn Chũ mở rộng trở thành thị xã.

7. Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Thực hiện đồng bộ, quyết liệt, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển doanh nghiệp tư nhân, thu hút doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 105-NQ/TU ngày 28/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, quan tâm hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, giúp doanh nghiệp hoạt động ổn định và đẩy mạnh mở rộng, phát triển sản xuất, nhất là hỗ trợ về tìm kiếm cơ hội đầu tư, kinh doanh, giải phóng mặt bằng, cung ứng lao động, giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy phát triển các thành phần kinh tế.

Triển khai thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm công khai, minh bạch. Tập trung tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và phân loại doanh nghiệp, dự án, công trình

đầu tư và vốn, tài sản nhà nước để có giải pháp cơ cấu lại, xử lý phù hợp, xử lý dứt điểm tồn đọng tài chính; huy động hiệu quả nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước tham gia tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp; chương trình khuyến khích, hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh thành doanh nghiệp; các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; chú trọng hỗ trợ các giải pháp tư vấn, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp về sản xuất, thị trường, pháp lý, chuyển đổi số, tham gia chuỗi giá trị bền vững.

Triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 10/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể mà nòng cốt là các hợp tác xã xây dựng nền nông nghiệp theo hướng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ cao tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, có sức cạnh tranh trên thị trường. Tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các tổ chức thuộc thành phần kinh tế khác trên địa bàn tỉnh trong hợp tác, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm, dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động có hiệu quả.

Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư đối với các doanh nghiệp FDI, coi trọng chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm; có chiến lược thu hút đầu tư từng lĩnh vực, nhóm ngành nghề, sản phẩm rõ ràng, hình thành các chuỗi cung ứng vật tư, nguyên liệu và cụm liên kết ngành; ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ cao, bảo đảm tiêu chuẩn về môi trường, thu hút lao động có kỹ năng của các công ty đa quốc gia lớn gắn với yêu cầu phải chuyển giao tri thức, công nghệ và quản trị; nâng cao tỉ lệ nội địa hoá.

Chú trọng phát triển thị trường trong nước, ứng dụng thương mại điện tử để quảng bá sản phẩm; hình thành chuỗi cung ứng - sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong và ngoài nước. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nắm bắt, tận dụng tối đa lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) khu vực và quốc tế mà Việt Nam tham gia trong xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục duy trì, giữ vững, ổn định xuất khẩu những mặt hàng nông sản của tỉnh vào các thị trường truyền thống; đồng thời, tập trung tìm kiếm, mở rộng xuất khẩu vào các thị trường tiềm năng (EU, Mỹ, Úc, Nhật Bản...), tránh phụ thuộc vào một số ít thị trường; chuyển mạnh từ xuất khẩu tiểu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch.

8. Tăng cường hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực cho phát triển

Triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các biện pháp đẩy mạnh thu ngân sách nhà nước, hoàn thành vượt dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm; đảm bảo cân đối nguồn lực tài chính ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư, chính sách an sinh xã hội và các nhiệm vụ quan trọng cấp bách của tỉnh.

Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; tranh thủ nguồn vốn đầu tư của các bộ, ngành Trung ương, vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn ODA, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay ưu đãi, vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), vốn đầu tư tư nhân và các nguồn vốn khác. Thực hiện phân bổ kế hoạch vốn đầu tư bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, định hướng tái cơ cấu kinh tế; trong đó vốn đầu tư công đóng vai trò là nguồn vốn dẫn dắt để thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, chú trọng đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị và các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội. Nâng cao hiệu quả đầu tư công; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ và chính quyền các ngành, các cấp liên quan trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

Đẩy mạnh phát triển hệ thống mạng lưới các tổ chức tín dụng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và người dân được tiếp cận với dịch vụ tài chính - ngân hàng do tổ chức tín dụng cung ứng. Thực hiện hiệu quả các giải pháp phù hợp để đẩy mạnh huy động vốn, mở rộng cho vay và chuyển dịch cơ cấu tín dụng, trọng tâm tập trung đáp ứng đủ vốn vay cho các chương trình kinh tế - xã hội lớn của tỉnh như thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp dịch vụ, phát triển nông nghiệp hàng hóa, kết cấu hạ tầng, đô thị... Tổ chức tốt các giải pháp tín dụng, đẩy mạnh hoạt động kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh của doanh nghiệp và người dân trong quan hệ với tổ chức tín dụng; thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ tín dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

9. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước

Tăng cường quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên, nhất là tài nguyên đất đai. Triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 44-CTr/TU ngày 30/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực

hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao. Tiếp tục quyết liệt triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020, Kết luận số 120-KL/TU ngày 08/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kiểm tra, thanh tra để xử lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu. Thấm định chặt chẽ yêu cầu về bảo vệ môi trường ngay từ khâu chấp thuận chủ trương đầu tư; chú trọng lựa chọn, ưu tiên các dự án có công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Các khu, cụm công nghiệp đầu tư mới phải bảo đảm đồng bộ và đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường trước khi đi vào hoạt động. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp môi trường, công nghiệp sử dụng chất thải rắn, chất thải công nghiệp, tái chế chất thải xây dựng, ngành dịch vụ cải tạo, phục hồi môi trường, hệ sinh thái tự nhiên, ngành nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường. Tập trung lãnh đạo tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc thu gom, xử lý rác thải theo Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 và Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường để có giải pháp phòng ngừa, xử lý kịp thời. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh. Quyết liệt triển khai các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; tập trung hoàn thiện các cơ chế chính sách thu hút nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực năng lượng sạch, tái tạo, chuyển đổi xanh. Chủ động ứng phó, chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, sự cố môi trường.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án đẩy mạnh hợp tác quốc tế cấp địa phương của tỉnh Bắc Giang với các địa phương nước ngoài nhằm tận dụng, khai thác mạng lưới các đối tác chiến lược, toàn diện để xây dựng và triển khai các chiến lược, chương trình, kế hoạch công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhất là trong một số ngành, lĩnh vực công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, phát triển xanh, bền vững.

10. Phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ con người Bắc Giang, xây dựng lực lượng lao động tiên tiến, có tay nghề cao; đội ngũ trí thức và doanh nhân xung kích, đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện tốt an sinh xã hội

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu

phát triển bền vững đất nước; nghiên cứu, xây dựng giá trị văn hóa, con người Bắc Giang trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa đặc trưng của tỉnh thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Rà soát, đánh giá nhu cầu lao động theo từng địa phương, từng ngành, từng lĩnh vực; đẩy mạnh hoạt động kết nối cung cầu lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động, bảo đảm cung ứng lao động kịp thời, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Tập trung đẩy nhanh tiến độ quy hoạch, xây dựng các khu nhà ở công nhân, phấn đấu đến năm 2030, Bắc Giang nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về xây dựng nhà ở công nhân gắn với các thiết chế văn hóa, trường học, hạ tầng thương mại, cơ sở y tế, khu vui chơi..., tạo ra môi trường làm việc và môi trường sống văn minh, an toàn, phục vụ công nhân yên tâm sinh sống, lao động sản xuất.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; tăng cường các biện pháp ổn định quan hệ lao động; hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động tổ chức đối thoại, giải quyết các vấn đề quan hệ lao động phát sinh; triển khai các biện pháp thích hợp để phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh tranh chấp lao động; giải quyết thỏa đáng, dứt điểm, có hiệu quả các cuộc tranh chấp lao động, không để kéo dài, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Thường xuyên hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển đội ngũ doanh nhân của tỉnh có trình độ chuyên môn, kỹ năng quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững, nhất là tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội đối với người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng bảo trợ xã hội. Tập trung thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng. Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh; thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động này để xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện (*hoàn thành trong quý III/2023*), bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, rà soát sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp để thực hiện các nội dung của Chương trình hành động này.

3. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động này và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị để xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, bảo đảm đồng bộ, khả thi, xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm, rõ lộ trình, rõ trách nhiệm và đa dạng, linh hoạt các giải pháp (*hoàn thành trong quý III/2023*). Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ gắn với thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh đề ra.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông thường xuyên tuyên truyền các nội dung cơ bản của Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động này; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội trong triển khai thực hiện.

5. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện đồng thời tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động này.

6. Các đồng chí bí thư ban cán sự đảng, đảng đoàn, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động này trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

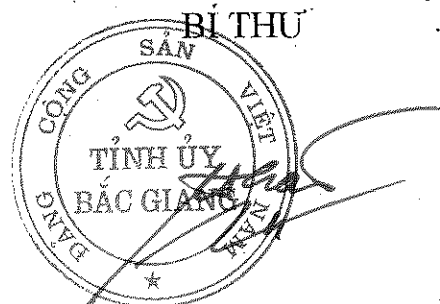
7. Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động này; kịp thời tham mưu bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp tình hình thực tế; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết, báo cáo Trung ương theo quy định.

Nơi nhận: *M*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng, (*báo cáo*)
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, cơ quan, ban, ngành tỉnh,
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Dương Văn Thái